**HỘ, CÁ NHÂN KINH DOANH:.....**
**Địa chỉ:.....**
**Mã số thuế:.....**

**Mẫu số S3a-HKD**
*(Kèm theo Thông tư số 152/2025/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

# SỔ THEO DÕI NGHĨA VỤ THUẾ KHÁC

Địa điểm kinh doanh:.....
Kỳ kê khai:.....

*Đơn vị tính:*

| Ngày tháng ghi sổ | Diễn giải | Lượng hàng hóa, dịch vụ chịu thuế | Mức thuế tuyệt đối | Giá tính thuế/01 đơn vị hàng hóa, dịch vụ | Thuế suất | Các loại thuế khác | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt | | | Thuế bảo vệ môi trường | Thuế tài nguyên | Thuế sử dụng đất |
| | | | | | | Áp dụng phương pháp tính thuế theo tỷ lệ % | Áp dụng phương pháp tính thuế tuyệt đối (nếu có) | Số thuế phải nộp | | | |
| A | B | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 |
| | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | |
| **Tổng cộng** | | | | | | | | | | | |

*Ngày ... tháng ... năm ...*
**NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỘ KINH DOANH/**
**CÁ NHÂN KINH DOANH**
*(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có))*